

Gia Lâm, ngày 17 tháng 01 năm 2022

Số: 02/2022/QĐST-KDTM

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 48, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 06 tháng 01 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 05/2021/TLST-KDTM ngày 20/01/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

** Nguyên đơn: Ngân hàng A.*

- Địa chỉ: Số 2 đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T1 - Chức vụ: Tổng Giám đốc.
- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Minh N - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng A. (Theo văn bản ủy quyền số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 17/12/2019 của

Tổng Giám đốc A).

- Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Đỗ Viết D - Chức vụ: Phó Giám đốc - A.
(Theo Giấy ủy quyền số 855/NHN₀.GL-XLN ngày 09/12/2020 của Giám đốc A).

** Bị đơn: **Hợp tác xã T.***

- Địa chỉ: Đường 3, xã P, huyện S, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Đức T2 - Chức vụ: Chủ nhiệm HTX.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Đức T2 là ông Nguyễn Trọng T3, sinh năm 1968 - Trú tại: Khối 14, xã P, huyện S, thành phố Hà Nội (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 10/3/2021 của Hợp tác xã T).

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Ngô Thị T4, sinh năm 1970 - Nơi ĐKKHKT tại: Khối 14, xã P, huyện S, thành phố Hà Nội; (đã chết 07/02/2018).

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Ngô Thị T4 gồm có:

1.1. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1946 (mẹ bà T4).

1.2. Ông Ngô Đức T2, sinh năm 1944 (bố bà T4).

Cùng trú tại: Khối 12 A, xã P, huyện S, thành phố Hà Nội.

1.3. Ông Nguyễn Trọng T3, sinh năm 1968 (chồng bà T4).

1.4. Anh Nguyễn Trọng N1, sinh năm 1990(con bà T4).

Hiện đang ở tại: Phòng 202-H, tập thể T, phường T, quận B, thành phố Hà Nội;

1.5. Chị Nguyễn Hồng H, sinh năm 1993(con bà T4).

1.6. Chị Nguyễn Thị Lan H1, sinh năm 1998(con bà T4).

Cùng ĐKKHKT tại: Số 14, xã P, huyện S, thành phố Hà Nội.

2. Bà Bùi Thị Minh P, sinh năm 1986.

Nơi ĐKKHKT tại: Khối 12, xã P, huyện S, thành phố Hà Nội;

3. Bà Trịnh Thị T5, sinh năm 1980.

Nơi ĐKKHKT tại: Thôn Đ, xã P, huyện S, thành phố Hà Nội;

4. Ông Nguyễn Trọng Đ, sinh năm 1985.

Nơi ĐKKHKT tại: Khối 6, xã P, huyện S, thành phố Hà Nội;

5. Ông Vũ Đình N2, sinh năm 1970.

Nơi ĐKKHKT tại: Thôn T, xã N, huyện Đ, Hà Nội;

6. Ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1966.

Nơi ĐKKHKT tại: xã P, huyện S, thành phố Hà Nội.

(Bà C, ông T2, anh N1, chị H1, chị H, bà P, chị T5, ông Đ, ông N2, ông H2 đều ủy quyền cho ông Ngô Đức T2).

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Đại diện Ngân hàng A với ông Nguyễn Trọng T3 là người đại diện theo ủy quyền của Hợp tác xã T thống nhất xác nhận:

1. Hợp đồng tín dụng số 3120-LAV-201500751, Giấy nhận nợ số 3120-LDS-201501635 và Hợp đồng thế chấp số: 06/2015/HĐTC ngày 17/6/2015 được ký kết giữa Ngân hàng A với Hợp tác xã T là hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo yêu cầu về chủ thể tham gia giao kết, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật và có giá trị áp dụng đối với các bên tham gia giao kết.

Theo Hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ trên: Ngân hàng A cho Hợp tác xã T vay số tiền là: 4.500.000.000 đồng; Mục đích cho vay để bổ sung vốn lưu động thanh toán tiền hàng theo Hợp đồng kinh tế 1706/2015/HĐMB/TUSSo-TL ngày 15/6/2015 được ký giữa Hợp tác xã T và Công ty S; Thời hạn vay vốn và lãi suất được quy định trong hợp đồng cho vay và Giấy nhận nợ, các kỳ trả lãi suất cho vay được quy định cụ thể trong hợp đồng cho vay và các văn bản khác đã ký kết.

2. Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên Hợp tác xã T đã thế chấp:

STT	Tên hàng	Khối lượng (tấn)	Đơn giá (đ/tấn)	Thành tiền
1	Phôi thép 130 * 6m	180	6.400.000	1.152.000.000
2	Thép phế liệu	1.050	4.800.000	5.040.000.000
Tổng		1.230		6.192.000.000

(Ngày 05/10/2016 Ngân hàng đã thu hồi số nợ gốc là 976.000.000 đồng và ngày 31/12/2016 Ngân hàng đã thu hồi số nợ gốc là 2.183.877.610 đồng và đã xử lý bán đấu giá xong tài sản thế chấp trên).

3. Tính đến ngày 06/01/2022, Hợp tác xã T còn nợ Ngân hàng A là: **2.766.081.973 đồng**(Hai tỷ bảy trăm sáu mươi sáu triệu không trăm tám mươi một nghìn chín trăm bảy mươi ba đồng), trong đó:

- Nợ gốc: 1.330.371.190 đồng;
- Nợ lãi trong hạn: 983.140.522 đồng;
- Nợ lãi quá hạn: 452.570.261 đồng.

Và từ ngày 07/01/2022, cho đến khi Hợp tác xã T thanh toán khoản nợ trên Hợp tác xã T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

4. Ngân hàng A và Hợp tác xã T thống nhất và thỏa thuận phức thức trả nợ như sau: Chậm nhất đến ngày 07/5/2022 Hợp tác xã T thanh toán cho Ngân hàng A toàn bộ số tiền nợ gốc còn lại và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ mà các bên đã ký kết.

5. Trường hợp Hợp tác xã T vi phạm nghĩa vụ trả nợ trên thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý số tiền nợ trên đối với các xã viên trong hợp tác xã.

6. Trong trường hợp các xã viên mà không đủ trả nợ thì Hợp tác xã T có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng A cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ trên.

7. Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm: Hợp tác xã T phải chịu 43.660.820 đồng tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng A 41.337.000 đồng tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo số Biên lai thu số AA/2010/0005771 ngày 18/01/2021 tại C cục thi hành án dân sự huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

8. Quyết định này có hiệu lực pháp luật sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

9. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành

án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- VKSND huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Cồ Khắc Đàm